

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 9 năm 2022

DANH SÁCH ĐIỂM THI

BÀI 2 (III+IV): KINH TẾ CHÍNH TRỊ VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TBCN VÀ
VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH
LỚP TCLLCT HỆ KTT KHÓA 11, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỊNH HOÁ

STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
01	Trần Văn Anh	01	7,5	Bảy rưỡi	
02	Hoàng Văn Bách	02	7,5	Bảy rưỡi	
03	Ma Thị Bền	03	8,0	Tám	
04	Ma Ngọc Bích	04	7,0	Bảy	
05	Nông Văn Bình	-	-	-	Không đủ ĐKDT
06	Nguyễn Thị Châm	05	7,0	Bảy	
07	Ma Thị Chang	06	7,0	Bảy	
08	Đặng Thị Phương Chi	07	7,5	Bảy rưỡi	
09	Hoàng Văn Chinh	08	7,0	Bảy	
10	Ma Tuấn Dao	09	7,0	Bảy	
11	Đào Thị Duyên	10	7,5	Bảy rưỡi	
12	Phạm Thị Duyên	11	7,0	Bảy	
13	Thái Văn Dương	12	7,5	Bảy rưỡi	
14	Lương Văn Hải	13	7,5	Bảy rưỡi	
15	Đoàn Thị Hạnh	14	7,5	Bảy rưỡi	
16	Hồ Thị Hải Hằng	-	-	-	Không đủ ĐKDT
17	Nguyễn Thị Hằng	15	7,5	Bảy rưỡi	
18	Lý Thị Hằng	16	8,0	Tám	
19	Ma Thị Hoa	17	7,5	Bảy rưỡi	
20	Phùng Thị Hoài	18	7,0	Bảy	
21	Nguyễn Thị Hoài	19	7,0	Bảy	
22	Lương Đức Hoàn	20	7,5	Bảy rưỡi	
23	Dương Thị Hới	21	7,5	Bảy rưỡi	
24	Nguyễn Thị Hồng	22	7,0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
25	Mạc Thị Huế	23	7,5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Thị Hương	24	7,5	Bảy rưỡi	
27	Hoàng Thị Lan Hương	25	8,0	Tám	
28	Mai Thị Thu Hương	26	7,5	Bảy rưỡi	
29	Hoàng Thị Thu Hường	27	8,0	Tám	
30	Nịnh Văn Huy	28	7,0	Bảy	
31	Nguyễn Thị Huyền	29	7,0	Bảy	
32	Ma Thị Huyền	30	8,0	Tám	
33	Nguyễn Thị Thu Huyền	31	7,5	Bảy rưỡi	
34	Đàm Thị Khen	32	7,5	Bảy rưỡi	
35	Lê Hồng Khuyên	33	7,5	Bảy rưỡi	
36	Nông Thị Lan	34	7,5	Bảy rưỡi	
37	Nông Thị Liệm	75	7,5	Bảy rưỡi	
38	Nguyễn Thùy Liên	35	7,5	Bảy rưỡi	
39	Đỗ Thị Thùy Linh	36	8,0	Tám	
40	Trần Thị Loan	37	8,0	Tám	
41	Ngô Thị Hải Luyện	38	8,0	Tám	
42	Phạm Thị Ly	39	7,5	Bảy rưỡi	
43	Lưu Thị Mai	40	7,0	Bảy	
44	Tổng Thị Hoa Mai	41	8,0	Tám	
45	Mông Đình Ngâm	42	7,0	Bảy	
46	Liêu Thị Ngọc	43	7,0	Bảy	
47	Phạm Thị Nguyên	44	8,0	Tám	
48	Hoàng Thị Nguyệt	45	7,5	Bảy rưỡi	
49	Nguyễn Thị Nhâm	46	7,5	Bảy rưỡi	
50	Lường Thị Như	47	7,0	Bảy	
51	Trần Thị Nhung	48	7,0	Bảy	
52	Trần Văn Phi	49	7,0	Bảy	
53	Diệp Đình Phú	50	7,0	Bảy	
54	Nguyễn Thị Anh Phượng	51	8,0	Tám	
55	Nguyễn Thị Kim Phượng	52	7,5	Bảy rưỡi	
56	Lý Văn Phượng	53	7,0	Bảy	

SẢN
ÔNG
TR
NG

✓

STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
57	Nguyễn Thu Quyên	54	7,5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Đức Tài	55	7,0	Bảy	
59	Lê Quang Thái	56	7,0	Bảy	
60	Ma Thị Thắm	57	7,5	Bảy rưỡi	
61	Hứa Thị Thanh	58	7,0	Bảy	
62	Hoàng Văn Thế	59	7,0	Bảy	
63	Hà Thị Thoa	60	7,5	Bảy rưỡi	
64	Bàn Thị Thơm	61	7,5	Bảy rưỡi	
65	Nguyễn Thị Thanh Thơm	62	7,5	Bảy rưỡi	
66	Nịnh Lệ Thúy	63	8,0	Tám	
67	Hoàng Thị Bích Thủy	64	7,5	Bảy rưỡi	
68	Thân Thị Minh Trang	65	8,0	Tám	
69	Mai Thị Tú	66	7,0	Bảy	
70	Hoàng Thị Tư	67	7,5	Bảy rưỡi	
71	Hứa Đức Tuấn	68	8,0	Tám	
72	Bàn Thị Tuất	69	7,5	Bảy rưỡi	
73	Lưu Viết Tùng	70	7,5	Bảy rưỡi	
74	Hoàng Văn Tùng	71	7,0	Bảy	
75	Lưu Thanh Tùng	72	7,5	Bảy rưỡi	
76	Hứa Thị Xuân	73	7,5	Bảy rưỡi	
77	Nguyễn Thị Xuyên	74	7,5	Bảy rưỡi	
78	Hoàng Thị Vân	75	-	-	ĐÃ THI

**KHOA LÝ LUẬN CƠ SỞ
PHÓ PHỤ TRÁCH KHOA**



Nguyễn Văn Tuấn

**T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH**



Nguyễn Thị Hồng Mây